

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-02-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 525/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Thanh S, sinh năm 1978; thường trú: Số 549/B ấp Nhứt, xã A, huyện T, tỉnh Đ; địa chỉ liên lạc: Đường số 20, khu công nghiệp Vsip 2, phường V, thị xã T, tỉnh B, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Ngọc D, sinh năm 1982; thường trú: Số 549/B ấp Nhứt, xã A, huyện T, tỉnh Đ; tạm trú: Số 10/29B, tổ 44, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI D VU ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Bùi Thanh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, ông Bùi Thanh S và bà Huỳnh Thị Ngọc D tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Việc kết hôn của ông S và bà D là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận.

Sau khi kết hôn, ông S và bà D cùng nhau sinh sống ở nhiều nơi, không ổn định. Sau đó vợ chồng cùng thuê nhà trọ để sinh sống tại thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau cho đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên ông S yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về con chung: Quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung là cháu Bùi Thị Kim Ch, sinh ngày 28/9/2011 và Bùi Gia H, sinh ngày 27/01/2016. Hiện 02 con chung đang sinh sống cùng với bà D. Ông S yêu cầu sau ly hôn 02 con chung sẽ do bà D tiếp tục nuôi dưỡng và ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/con, tổng cộng 3.000.000 đồng/02 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Bùi Thanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc D: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà D có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông S nhưng bà D không có ý kiến, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bà D tham gia hòa giải vào ngày 09/12/2022 nhưng bà D vắng mặt không có lý do, đồng thời ông S có đơn từ chối hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bà D tham gia phiên tòa vào ngày 16/01/2023 và ngày 15/02/2023 nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông S được xem xét trên cơ sở chứng cứ do ông S cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 16/01/2023 và ngày 15/02/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội D vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 16/01/2023 và ngày 15/02/2023 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Thanh S và bà Huỳnh Thị Ngọc D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 16/8/2012 theo giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, ông S xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cụ thể là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau. Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập bà D đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông S và cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng bà D không đến. Điều này chứng tỏ bản thân bà D cũng không muốn vợ chồng có cơ hội để đoàn tụ với nhau, còn ông S xác định không còn tình cảm với bà D. Đồng thời, vợ chồng ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa ông S và bà D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông S yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung là cháu Bùi Thị Kim Ch, sinh ngày 28/9/2011 và Bùi Gia H, sinh ngày 27/01/2016. Các con chung đang sống cùng với bà D. Việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng bà D không có ý kiến thể hiện nguyện vọng mong muốn nuôi con chung hay không nhưng trong khoảng thời gian hai vợ chồng không sống chung với nhau thì các con chung do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của các con chung, cần tiếp tục giao các con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, ông S yêu cầu bà D trực tiếp nuôi các con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Ông Bùi Thanh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/con chung, tổng cộng 3.000.000 đồng/02 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, đây là sự tự nguyện của ông S nên cần ghi nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Bùi Thanh S không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Thanh S phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Thanh S được ly hôn với bà Huỳnh Thị Ngọc D (Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/8/2012).

2. Về con chung: Ông Bùi Thanh S có trách nhiệm giao con chung là cháu Bùi Thị Kim Ch, sinh ngày 28/9/2011 và Bùi Gia H, sinh ngày 27/01/2016 cho bà Huỳnh Thị Ngọc D tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Bùi Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/01 con chung, tổng cộng 3.000.000 (ba triệu) đồng/02 con chung. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Bùi Thị Kim Ch và Bùi Gia H đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, ông Bùi Thanh S có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con. Bà Huỳnh Thị Ngọc D không có quyền cản trở ông Bùi Thanh S thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày bà Huỳnh Thị Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Bùi Thanh S không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì ông Bùi Thanh S còn phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị Ngọc D tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Bùi Thanh S không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Thanh S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000660 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Bùi Thanh S còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy